

Số: 1190/BC - VHTC

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2014

## BÁO CÁO

### Về việc tự giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các Quyết định của Tập đoàn TKV trong 9 tháng đầu năm 2014 tại Công ty

Kính gửi: - Bộ Công Thương;  
- Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;  
- Kiểm soát viên Nhà nước tại Tập đoàn TKV;

Căn cứ Quyết định số: 2208/QĐ - TKV ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn TKV về việc Ban hành

Quy định giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu trong nội bộ Tập đoàn TKV.

Công cổ phần Than Hà Tu -Vinacomin báo cáo công tác tự giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Tập đoàn TKV trong 9 tháng đầu năm 2014 tại Công ty như sau:

#### **I. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực:**

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản Nhà nước; Chế độ tài chính và giám sát tài chính: Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin là Công ty cổ phần 51% vốn Nhà nước, Công ty thực hiện đúng các văn bản của Nhà nước đã ban hành như Nghị định 61/2013/NĐ-CP; Nghị định 71/2013/NĐ-CP; Quyết định 22/QĐ-BCT, Thông tư 158/2013/TT-BTC; Thông tư 220/2013/TT-BTC; Nghị định 49/2014/NĐ-CP về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước trong việc tuân thủ pháp luật và các quyết định của Tập đoàn TKV.

2. Sắp xếp, đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh: Thực hiện theo đúng Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 về tái cơ cấu TKV, Quyết định số 2095/QĐ-TKV ngày 25/9/2014 về bố trí các phòng ban tham mưu; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP về thi hành một số điều của Luật Đấu thầu.

3. Tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động; đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chính sách tiền lương, tiền thưởng: Công ty tuân theo quy định của Luật Lao động số 10/2012/QH13; Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003 và luật sửa đổi một số điều của Luật Thi đua khen thưởng; Nghị định 50/2013/NĐ-CP; NĐ 51/2013/NĐ-CP; Thông tư 18/TT-BLĐTBXH; Thông tư 19/TT-BLĐTBXH; Quy chế quản lý Lao động và tiền lương theo Quyết định số: 2305/QĐ-HĐTV ngày 06/12/2013 và các văn bản quản lý nội bộ của TKV.

4. Quy định của pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh; quy định, quy trình về chuyên môn kỹ thuật, quy định quản lý thuộc lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp: Công ty thực hiện đúng quy định của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH 12; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, ngày 09 tháng 3 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản; Thông tư số 02/2013/TT-

BTNMT ngày 01 tháng 03 năm 2013 quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013, Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Tiêu chuẩn TCVN 5326: 2008 về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04: 2009/BCT về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên, Giấy phép khai thác của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp số: 2822/GP-BTNMT ngày 31/12/2008. Quyết định số: 41/2002/QĐ - BCN ngày 04/10/2002 của bộ trưởng Bộ công nghiệp ban hành qui định về việc kiểm tra, nghiệm thu khối lượng đất đá bóc và sản lượng than khai thác ở các mỏ lộ thiên; Quyết định số: 69/2003/QĐ - BCN ngày 25/4/2003 của bộ trưởng Bộ công nghiệp V/v ban hành qui định kiểm kê than tồn kho.

Luật Bảo vệ môi trường số: 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành.

5. Các quy định của pháp luật về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá hiệu quả hoạt động và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, công khai, minh bạch hoạt động kinh doanh: Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá hoạt động theo Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tố cáo số: 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các Luật trên. Các Thông tư số 52/2012/TT-BTC về công bố thông tin, Thông tư số 121/2012/TT-BTC về quản trị công ty quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công khai, minh bạch tình hình tài chính doanh nghiệp với: Chủ sở hữu và cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp; Chủ nợ và nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, người lao động; Báo cáo Giám sát đánh giá hiệu quả đầu tư...

6. Các quy định của pháp luật khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Luôn tuân thủ khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chế độ báo cáo, hình thức báo cáo và nội dung báo cáo.

## **II. Về việc tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu (TKV): Công ty luôn tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu trên các lĩnh vực sau**

### **1- Công tác Kế hoạch:**

Công tác kế hoạch tại Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và các văn bản của chỉ đạo của Tập đoàn TKV cụ thể: Hợp đồng phối hợp kinh doanh năm 2014 số 144/2014/HĐKD ngày 20/12/2013 được ký kết giữa Tập đoàn với Công ty, Thông báo các chỉ tiêu PHKD số 6786/Vinacomin - KH ngày 18/12/2013 và công văn số 4018/TKV-KH ngày 25/7/2014 V/v điều hành sản xuất - tiêu thụ than 6 tháng cuối năm 2014.

#### **1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014:**

##### **a) Về bóc xúc đất đá:**

- Bóc xúc đất đá toàn công ty đạt 13.985.814 m<sup>3</sup>/18.700.000m<sup>3</sup> bằng 74,8% kế hoạch năm. Mặc dù đất đá bóc xúc toàn công ty thực hiện đạt tiến độ nhưng tiến độ giữa các công trường khai thác còn chênh lệch lớn như Trụ Tây còn hụt so với tiến độ đề ra 5% tương ứng với sản lượng 391.000 m<sup>3</sup>.

- Bóc xúc đất đá tự làm: 10.087.845 m<sup>3</sup>/13.700.000m<sup>3</sup> đạt 73,6% , so với tiến độ đề ra là 75% kế hoạch năm hụt 1,4%.

**b) Than NK khai thác:** 9 tháng đạt 1.055.842 tấn/1.400.000 tấn bằng 75,4% kế hoạch năm, tăng so tiến độ 0,4%. Tuy nhiên via 7&8 thực hiện so với tiến độ đề ra còn hụt 22,8%.

c) **Vận chuyển tự làm:** Đạt 61.390.725 tkm/85.600.000 tkm bằng 71,7% so với tiến độ đề ra hụt 3,3%.

d) **Than chế biến sâu từ nguồn đất đá lẫn than:** Đạt 250.490 tấn/350.000 tấn bằng 71,6% kế hoạch năm và so với tiến độ kế hoạch hụt 3,4%. Nguyên nhân một phần do từ tháng 7 năm 2014, Công ty đề nghị Tập đoàn điều chỉnh sản lượng than chế biến sâu từ đất lẫn tăng thêm 100.000 tấn nên nhiệm vụ sản xuất có tăng lên. Tuy nhiên tháng 7 và tháng 8 điều kiện thời tiết mưa nhiều, nguồn tại chỗ đưa vào chế biến có độ ẩm cao, nguồn từ các vỉa ít nên ảnh hưởng đến năng suất cũng như tiến độ.

e) **Công tác giao nộp sản phẩm:** Đạt 1.240.147 tấn/1.624.500 tấn bằng 76,3% vượt tiến độ kế hoạch 1,3%, tuy nhiên than giao cho Kho vận chỉ đạt 813.071 tấn/1.122.000 tấn bằng 72,5% hụt so với tiến độ 2,5% tương ứng hụt 28.429 tấn. Bên cạnh đó cơ cấu tiêu thụ một số loại than tốt đạt thấp so với kế hoạch năm như cám 2 đạt 61,7%; cám 3c đạt 18%; cám 4b đạt 37,5%.

f) **Doanh thu than:** Đạt 1.645.617trđ/2.154.821trđ so với kế hoạch năm bằng 76,4%.

g) **Lợi nhuận:** 9 tháng đầu năm 2014 đạt hơn 16 tỷ đồng.

### 1.2. Công tác quản trị chi phí và quản lý thuê ngoài:

a) **Quản trị các chỉ tiêu công nghệ:** Các chỉ tiêu công nghệ 9 tháng đầu năm nhìn chung công ty cơ bản đã đảm bảo và vượt tiến độ theo kế hoạch. Tuy nhiên bên cạnh đó chỉ tiêu về tỷ lệ đất đá nổ mìn 9 tháng đầu năm tăng khoản 8% so với kế hoạch Tập đoàn giao chủ yếu do nguyên nhân khách quan (các ban Tập đoàn đã có biên bản làm việc với Công ty xác định là nguyên nhân khách quan).

b) **Khoản quản trị chi phí nội bộ:** Thực hiện tổng chi phí khoán toàn công ty 9 tháng đầu năm: 355.309trđ/KH 351.053trđ bằng 101,2% tăng 4.255trđ.

c) **Công tác sửa chữa lớn:** 9 tháng đầu năm, Công ty đã đưa vào sửa chữa tổng số 14/23 thiết bị bằng 60,8% kế hoạch và giá trị thực hiện 9 tháng ước đạt 29.835trđ/35.290 trđ bằng 84% kế hoạch năm.

d) **Công tác thuê ngoài bốc xúc và vận chuyển đất đá:** 9 tháng đầu năm, Công ty bám sát, điều hành sản xuất theo kế hoạch thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đã được Tập đoàn phê duyệt và thực hiện nghiệm túc công văn số 6373/VINACOMIN-KH ngày 29/11/2013 của Tập đoàn “V/v hướng dẫn thực hiện kế hoạch PHKD thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá và than năm 2014” cũng như các Quy định khác của Tập đoàn trong công tác quản lý thuê ngoài, cụ thể:

- Thuê ngoài bốc xúc đất đá: đạt 4.103.320 m<sup>3</sup>/7.524.000m<sup>3</sup> bằng 55%.

- Thuê ngoài vận chuyển đất đá: Đạt 59.997.849 tkm/97.719.000 tkm bằng 61%.

### 1.3. Tình hình thực hiện quy định trong Quy chế mua sắm, sử dụng vật tư trong Công ty.

- Công ty đã thực hiện tốt quyết định số 221/QĐ-HĐQT ngày 31/1/2007 của Tập đoàn về quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư, dự trữ tập trung; Quyết định 2936/QĐ-HĐQT ngày 23/12/2010; Từ 01/8/2014 Công ty thực hiện theo Quyết định số 1664/QĐ-VHTC ngày 29/7/2014 về quy chế quản lý, mua bán, sử dụng vật tư trong Công ty CP than Hà tu.

- Thực hiện nghiêm túc việc sử dụng vật tư dự trữ tập trung theo quyết định 1298/QĐ-VTD ngày 24/6/2005 của Tổng giám đốc Tổng công ty than VN nay là Tập đoàn TKV. Để đảm bảo hiệu quả chung của các công ty trong Tập đoàn đối với một số vật tư chiến lược như: cáp điện vỏ bọc cao su, lốp chuyên dùng các loại, nhiên liệu, dầu mỡ...

- Thực hiện tốt chiến lược phối hợp kinh doanh trong ngành, Công ty đã sử dụng triệt để các sản phẩm vật tư hàng hóa do các đơn vị trong ngành sản xuất như: sản phẩm cơ khí, các loại vật tư phụ tùng và các sản phẩm khác, v.v.

- Thực hiện 9 tháng đầu năm 2014 Công ty phải cắt giảm sản lượng và tiết giảm chi phí theo yêu cầu chung của Tập đoàn. Vì vậy Công ty đã triệt để tiết kiệm vật tư, tìm mọi biện pháp để giảm chi phí nguyên vật liệu. Tìm các nguồn hàng thay thế, nguồn cung cấp vật tư, phụ tùng mới để thêm đối tác nhằm tăng tính cạnh tranh, giành những ưu đãi hơn cho sản xuất, đặc biệt là phụ tùng cho các loại thiết bị lớn đặc chủng của các hãng như CAT, VOLVO, Komatsu các loại vật tư chiến lược khác. Tăng cường sử dụng các loại vật tư, phụ tùng trong nước đã sản xuất, chế tạo, làm hàng GCPH để có vật tư phụ tùng dự phòng, phục vụ cho sản xuất.

- Công ty giao cho phòng QLVT phối hợp với các phòng ban liên quan: Chủ động phối hợp, đàm phán với các đơn vị bạn hàng cùng chia sẻ khó khăn để giảm giá, cung ứng kịp thời các phụ tùng vật tư phục vụ cho sản xuất. Tuân thủ các qui định qui chế về mua bán vật tư của Tập đoàn TKV và Công ty.

- Công tác quản lý vật tư của Công ty được chú trọng từ khâu chuẩn bị nguồn vật tư, tổ chức mua sắm đúng quy định. Công ty đã thành lập tổ tư vấn duyệt giá và tổ kiểm nhập hàng hóa trước khi đưa hàng vào nhập kho, có danh sách và chức năng, nhiệm vụ cụ thể rõ ràng cho từng cá nhân trong tổ tư vấn và hội đồng kiểm nhập.

- Khi có yêu cầu mua vật tư, hội đồng duyệt giá xem xét giá của từng loại vật tư theo giá mua tại thời điểm hiện tại đồng thời tham khảo giá mua của các đơn vị bạn và giá thị trường. Sau khi xem xét hội đồng duyệt giá lập biên bản họp duyệt giá trình Giám đốc ký duyệt mua.

- Khi mua về tất cả các loại vật tư đều được kiểm nhập chi tiết cụ thể từng mặt hàng, khi kiểm nhập đảm bảo mới cho nhập kho. Các loại vật tư nhập kho đều được quản lý theo dõi trên chứng từ cụ thể và trên phần mềm quản lý vật tư.

- Để đảm bảo việc quản lý tồn kho vật tư đạt được mục tiêu đề ra phòng QLVT cùng với các phòng ban liên quan đã tổ chức tốt việc mua sắm quản lý sử dụng vật tư ngay từ khâu lập kế hoạch sử dụng vật tư theo định mức tránh trường hợp chỉ quan tâm đến tồn kho cuối kỳ mà không quản lý tồn kho thường xuyên.

- Thường xuyên kiểm tra, tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện công tác quản lý sử dụng vật tư của các đơn vị sản xuất, nhằm giúp các đơn vị trong việc quản lý sử dụng vật tư đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

- Phân tích, phân loại và xử lý hàng tồn kho ứ đọng chậm luân chuyển, phối hợp với các đơn vị có giải pháp xử lý theo hướng dẫn của Tập đoàn TKV về nhượng bán, giảm tồn kho.

- Phối hợp với các phòng ban đơn đốc việc thu hồi triệt để phế liệu, Công ty quy định tất cả các vật tư xuất ra đều phải thu hồi ngay phế liệu. Công tác thu cũ phát mới được quản lý bằng phiếu nhập, xuất kho và hệ thống sổ sách theo dõi quản lý đến từng đầu xe, máy có ký nhận của công nhân vận hành. Việc bán hàng phế liệu theo đúng hướng dẫn qui định của tập đoàn, có biện pháp giải toả, tái sử dụng phế liệu tăng thu tiết kiệm cho công ty.

- Công ty luôn thực hiện tốt chế độ báo cáo đúng theo quy định về thời gian, biểu mẫu nhằm giúp cho việc quản lý và điều hành công tác vật tư kịp thời, chính xác, hiệu quả góp phần tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

## **2- Công tác Đầu tư xây dựng:**

Công tác Đầu tư xây dựng tại Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn TKV: Công văn số 268/VINACOMIN-ĐT ngày 16/1/2013; Chỉ thị số 47/CT-VINACOMIN ngày 18/4/2013.

### **2.1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch.**

Công ty Cổ phần than Hà Tu - Vinacomin đã lập quy hoạch chi tiết xây dựng và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long thẩm định và phê duyệt các Quyết định sau:

- Quyết định số: 2086/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tỷ lệ 1/2.000 khu khai thác lộ thiên và hoàn nguyên môi trường tại phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Khánh, Hà Trung, thành phố Hạ Long.

- Quyết định số: 1407/QĐ-UBND ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 nhà văn phòng-Công ty Cổ Phần Than Hà Tu-Vinacomin tại phường Hà Tu – Thành phố Hạ Long.

- Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình: Tuyến đường giao thông từ mỏ than Hà Tu ra khai trường mỏ Núi Béo tại Phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

## **2.2. Việc quản lý và thực hiện các quy hoạch theo quy định.**

- Quy hoạch bãi thải: Thực hiện đúng theo Quyết định số: 2415/QĐ-TKV ngày 7/10/2010 v/v: phê duyệt đề án các giải pháp khai thác-đổ thải-thoát nước tiến tới kết thúc khai thác lộ thiên vùng Hòn Gai, thành phố Hạ Long.

- Quy hoạch sử dụng đất: Thực hiện theo đúng Quyết định số: 2086/QĐ-UBND ngày 5/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

## **2.3. Quản lý các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn Nhà nước trở lên.**

**a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án:** Việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án theo quy định của nhà nước ban hành.

### **b) Tình hình thực hiện các dự án**

- Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2014 được Tập đoàn giao/Thông qua theo văn bản số 5355/TKV-ĐT ngày 03/10/2014 là: 70.157 triệu đồng.

- Giá trị khối lượng đã thực hiện đầu tư 9 tháng năm 2014: 31.025 triệu đồng, đạt 44% so với kế hoạch.

- Tình hình giải ngân của các dự án: đã thanh toán 22.890 triệu đồng, đạt 32,6% so với kế hoạch.

- Số dự án chậm tiến độ: Không có.

- Số dự án điều chỉnh trong kỳ: Không có.

- Số dự án vi phạm về quản lý chất lượng: Không có.

- Số dự án thất thoát, lãng phí: Không có.

- Số dự án vi phạm về thủ tục đầu tư: Không có.

## **2.4. Thực hiện kế hoạch đầu tư bằng nguồn vốn của Nhà nước.**

- Kế hoạch phân bổ vốn: Tổng mức đầu tư: 70.157 triệu đồng

+ Khấu hao TSCĐ: 61.018 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển: 9.139 triệu đồng

- Kết quả giải ngân vốn: Tổng giá trị giải ngân: 22.891 triệu đồng

+ Khấu hao TSCĐ: 20.483 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển: 2.408 triệu đồng.

## **2.5. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư.**

### **a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.**

- Thực hiện công tác báo cáo Tập đoàn và cơ quan Nhà nước theo các công văn, công điện, văn kiện.

- Hàng quý thực hiện chế độ báo cáo Tập đoàn công tác đầu tư xây dựng.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo các công văn khẩn, đột xuất.

**b) Kết quả kiểm tra, đánh giá các dự án đầu tư**

- Số dự án thực hiện đánh giá dự án trong kỳ: 01 dự án.

**c) Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo: 02 dự án**

- Dự án: Đầu tư phục hồi các thiết bị khai thác năm 2014

- Dự án: Đầu tư di chuyển cụm sàng công trường Than 1

**d) Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư:** Nhìn chung công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư trong 9 tháng đầu năm 2014 đạt yêu cầu của Công ty.

**3- Công tác Kế toán thống kê:**

**3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 9 tháng năm 2014:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	9 tháng năm 2013	9 tháng năm 2014	Tỷ lệ %	
						So với KH	So với cùng kỳ
1	Sản lượng than SX tổng số	Tấn	1.750.000	1.103.152	1.306.332	74,65	118,42
	- Than NK khai thác	Tấn	1.400.000	932.046	1.055.842		113,282
	- Than sạch SX từ đất lẫn	Tấn	350.000	171.106	250.490		146,395
2	Sản lượng sản xuất than sạch	Tấn	1.145.000	939.185	1.173.836	102,52	124,98
	- Than sạch từ nguyên khai	Tấn	795.000	634.511	459.854	57,84	72,4738
	- Than sạch SX từ đất lẫn	Tấn	350.000	171.106	250.490	71,57	146,395
	- Than sạch trong nguyên khai	Tấn		133.569	463.492		347,007
3	Sản lượng than tiêu thụ	Tấn	1.806.000	975.835	1.324.331	73,33	135,71
	- Công ty tuyển than Hòn Gai	Tấn	600.000	158.348	512.527	85,42	323,672
	- Công ty kho vận Hòn Gai	Tấn	1.206.000	817.488	811.804	67,31	99,3048
4	Bóc đất đá	m3	18.700.000	12.852.103	13.985.814	74,79	108,82
5	Giá thành than	đ/tấn	1.215.536	1.188.344	1.263.870	103,98	106,36
7	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	193.093	126.869	152.744	79,10	120,39
8	Số lao động BQ	Người	2.354	2.692	2.398	101,87	89,079
9	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	6.274.000	5.236.462	7.077.357	112,80	135,16
10	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.251.621	1.311.793	1.711.247	76,00	130,45
	- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	Tr.đồng	2.181.621	1.302.892	1.687.767	77,36	129,54
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng		785	277		35,3303
	- Thu nhập khác	Tr.đồng		8.116	23.202		285,869
11	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.899.445	1.299.570	1.690.827	89,02	130,11
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	26.601	12.223	20.420	76,76	167,06
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng		9.343	16.336		174,85

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 9 tháng năm 2014 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó :

- Sản lượng than khai thác tăng 203.180 tấn = 118,42%.
- Sản lượng than sạch sản xuất tăng 234.6
- Sản lượng than tiêu thụ tăng 348.49
- Đất đá bóc xúc tăng 1.133.711 m<sup>3</sup> = 108,82% 6 tấn = 135,71% 51 tấn = 124,98%
- Sản lượng tiêu thụ tăng đã đưa doanh thu tăng 399.454 triệu = 130,45%, trong khi đó lao động bình quân giảm 294 người so với cùng kỳ năm trước nâng mức tiền lương bình quân tăng 135,16% so với cùng kỳ và tăng 112,8% so với kế hoạch năm.
- Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 8.197 triệu đồng = 167,06% so với cùng kỳ.

### 3.2. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	9 tháng năm 2013	9 tháng năm 2014	% HT
C	Nghĩa vụ nộp NSNN				
1	Tổng số phải nộp ngân sách	Tr.đồng	153.869	262.270	170,45
	<i>Trong đó : Các loại thuế</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>139.583</i>	<i>248.884</i>	<i>178,31</i>
2	Số đã nộp	Tr.đồng	166.182	271.527	163,39
	<i>Trong đó : Các loại thuế</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>149.865</i>	<i>250.797</i>	<i>167,35</i>

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, 9 tháng đầu năm 2014 tổng số nộp ngân sách là 262.270 triệu đồng tăng so với cùng kỳ năm trước: 108.401 triệu đồng đạt 170,45% chủ yếu tập trung vào các loại sắc thuế lớn như :

- Thuế GTGT tăng so với cùng kỳ 24.718 triệu đồng = 171,53%
- Thuế tài nguyên tăng so với cùng kỳ: 57.354,9 triệu đồng = 164,12%
- Tiền thuê đất tăng so với cùng kỳ : 27.727 triệu đồng = 352,13%

### 3.3. Trích lập và sử dụng các quỹ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số đầu năm	Số trích trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số cuối kỳ	Ghi chú
1	Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	7.262			7.262	
2	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	Tr.đồng	412		248	165	
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	11.901		9.155	2.747	
	+ <i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>4.484</i>		<i>3.268</i>	<i>1.216</i>	
	+ <i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>7.418</i>		<i>5.887</i>	<i>1.531</i>	
4	Trích quỹ Dự phòng tài chính	Tr.đồng	6.221			6.221	

Căn cứ vào tình hình thực tế các quỹ Công ty, từ đầu năm HĐQT và Ban Giám đốc đã lập kế hoạch chi tiêu các quỹ trong năm 2014. Do đó 9 tháng 2014 Công ty đã chi các quỹ theo đúng kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm.

### 3.4. Các khoản chi phí, quỹ phải trả Tập đoàn:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số đầu năm	Số phải trả	Số đã trả	Số cuối kỳ	Ghi chú
1	Quỹ thăm dò, KS	Tr.đồng	6.317	24.684	16.443	14.558	
2	Quỹ cấp cứu mỏ	Tr.đồng	877	1.646		2.523	
3	Quỹ đào tạo, chăm sóc sức khỏe	Tr.đồng	754	3.291		4.046	
4	Quỹ môi trường	Tr.đồng	8.190	16.456	13.521	11.125	
5	Quỹ xấp xếp đổi mới cơ cấu chất lượng LĐ	Tr.đồng	1.367	1.512	2.429	450	
6	Trả cổ tức	Tr.đồng	9.050		9.050	0	
7	Phí sử dụng thương hiệu Vinacomin	Tr.đồng		3.632	3.632	0	
	<b>Cộng</b>		<b>26.555</b>	<b>51.222</b>	<b>45.076</b>	<b>32.701</b>	

### 3.5. Công tác nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán, phân loại nợ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>395.787</b>	<b>374.726</b>
	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đồng	1.542	3.039
	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đồng		
	Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr.đồng	183.690	221.586
	<i>Trong đó : Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>Tr.đồng</i>		
	Hàng tồn kho	Tr.đồng	201.477	146.568
	Tài sản ngắn hạn khác	Tr.đồng	9.079	3.533
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>376.266</b>	<b>335.008</b>
	Các khoản phải thu dài hạn	Tr.đồng		
	Tài sản cố định	Tr.đồng	262.840	202.661
	- Tài sản cố định hữu hình	Tr.đồng	259.658	202.661
	- Tài sản cố định vô hình	Tr.đồng	212	141
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Tr.đồng	2.970	15.150
	Tài sản dài hạn khác	Tr.đồng	113.427	132.347
<b>III</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>521.497</b>	<b>472.398</b>
1	Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	440.297	421.357
	<i>Trong đó : Nợ quá hạn</i>	<i>Tr.đồng</i>		
2	Nợ dài hạn	Tr.đồng	81.200	51.041
<b>IV</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>250.556</b>	<b>252.626</b>
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	228.627	244.963
	<i>Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>136.497</i>	<i>136.497</i>
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Tr.đồng	21.929	7.663



<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu bình quân</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>231.508</b>	<b>236.795</b>
<b>VI</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>136.497</b>	<b>136.497</b>
<b>VII</b>	<b>Hệ số bảo toàn vốn Nhà nước</b>	<b>Lần</b>	<b>1,04</b>	<b>1,07</b>
<b>VIII</b>	<b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>			
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	%	3,73	6,47
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,01	0,02
<b>IX</b>	<b>Công nợ phải thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>183.690</b>	<b>221.586</b>
<b>1</b>	<b>Công nợ phải thu</b>			
	-Phải thu của khách hàng	Tr.đồng	182.556	220.201
	-Trả trước cho người bán	Tr.đồng	1.201	2.346
	-Các khoản phải thu khác	Tr.đồng	4.403	3.509
	-Dự phòng C/K phải thu khó đòi	Tr.đồng	-4.470	-4.470
<b>2</b>	<b>Phân loại nợ</b>			
a	Các khoản nợ >1 năm			
	- Phải thu đối với Công ty cổ phần sắt Thạch Khê: 28.355.647.010 đồng từ tháng 6/2012. Công ty đã có văn bản báo cáo Tập đoàn và Tập đoàn đã cho phép Công ty được bù trừ công nợ tại Công văn số 5437/TKV-KT ngày 8/10/2014			
b	Các khoản nợ > 6 tháng			
	- Phải thu của Tập đoàn: 2.231.754.769 đồng do 2 dự án từ nguồn môi trường tập trung của Tập đoàn.			
	- Dự án tuyến đường vận chuyển than từ mỏ Hà Tu ra cảng Làng Khánh tại Quyết định số 2028/QĐ- VINACOMIN ngày 22/10/2013 về việc phê duyệt quyết toán công trình với tổng giá trị quyết toán là 21.352.524.043 đồng. Tập đoàn đã thanh toán 19.041.345.257 đồng, còn lại 2.311.178.796 đồng. Công ty đã có văn bản xin điều chỉnh quỹ môi trường tập trung năm 2014.			
<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>X</b>	<b>Nợ phải trả</b>		<b>505.750</b>	<b>472.398</b>
1	Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	<b>425.056</b>	<b>415.518</b>
	- Vay và nợ ngắn hạn	Tr.đồng	148.274	107.333
	- Phải trả người bán	Tr.đồng	116.851	160.825
	- Người mua trả tiền trước	Tr.đồng	300	433
	- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tr.đồng	37.864	31.170
	- Phải trả người lao động	Tr.đồng	77.238	41.354
	- Chi phí phải trả	Tr.đồng	3.323	36.367
	- Phải trả nội bộ	Tr.đồng	26.555	32.701
	- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Tr.đồng	14.651	5.333

2	Nợ dài hạn		<b>80.694</b>	<b>50.535</b>
	- Vay và nợ dài hạn	Tr.đồng	80.694	50.535

Nhìn chung tổng số khoản phải trả cuối kỳ giảm so với số đầu năm, nhất là các khoản vay ngân hàng. Cụ thể: Vay nợ ngắn hạn giảm 40.941 triệu đồng, nợ dài hạn giảm 30.159 triệu đồng, Như vậy, Công ty đã sử dụng nguồn tài chính một cách linh hoạt nhằm giảm chi phí lãi vay phải trả.

Bên cạnh đó Công ty cần cân đối nguồn tài chính để thanh toán công nợ đối với khách hàng theo đúng tiến độ của hợp đồng.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
<b>IX</b>	<b>Khả năng thanh toán nợ</b>			
1	1. Tổng nợ phải trả	Tr.đồng	521.497	472.398
a	Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	440.297	421.357
	<i>Trong đó : + Nợ đến hạn</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>440.297</i>	<i>421.357</i>
b	Nợ dài hạn	Tr.đồng	81.200	51.041
	<i>Trong đó : + Nợ đến hạn</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>81.200</i>	<i>51.041</i>
2	Khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	1,48	1,50
3	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,90	0,89
4	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,08	1,87

#### **4- Công tác quản lý về tài nguyên, khoáng sản:**

**4.1. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của Nhà Nước, các quyết định của Tập đoàn trong lĩnh vực địa chất phân công còn tồn tại trong kỳ trước.**

**a) Tình hình thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên còn tồn tại trong kỳ trước:**

Thực hiện thông tư liên tịch 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28/9/2009 về hướng dẫn phương pháp tính xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà Nước.

Căn cứ công văn số 4809/Vinacomin-TN, ngày 24/9/2012 của Tổng Giám đốc Tập đoàn than Khoáng sản Việt Nam, về việc giao cho công ty VITE xác định tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà Nước.

Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin ký hợp đồng với Công ty VITE lập báo cáo xác định chi phí sử dụng thông tin, số liệu kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà Nước đối với giấy phép 2822/GP - BTNMT.

Đến nay Công ty CP than Hà Tu-Vinacomin đã thực hiện được các nội dung sau:

- V7+8 - khu Bắc Bàng Danh thuộc khoáng sàng Suối Lại: Việc tính toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà Nước đã hoàn tất đã trình Tổng cục Địa chất, hiện đang chờ quyết định để nộp tiền, có các biên bản giấy tờ kèm theo:

+ Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng Quốc Gia đã có công văn số 88/VPTLKS, ngày 30/9/2013 về xác nhận trữ lượng còn lại do Nhà nước đầu tư thăm dò của một phần giấy phép 2822/GP-BTNMT.

+ Ngày 29/11/2013 Trung Tâm định và Công nghệ địa chất - Tổng cục địa chất và khoáng sản đã có biên bản kỹ thuật khu mỏ than Suối Lại xác định chi phí hoàn trả của từng giấy phép và từng báo cáo khoáng sản, bao gồm 4 giấy phép trong đó có khu vực Bắc Bàng Danh thuộc một phần giấy phép 2822/GP-BTNMT.

- Via trụ và V16 thuộc khoáng sàng Bàng Danh: Công ty đang đợi thông báo về việc phối hợp xác định tiền sử dụng số liệu thông tin kết quả điều tra thăm dò khoáng sản của Trung tâm định và Công nghệ địa chất, Công ty sẽ tiếp tục hoàn tất việc tính toán và thực hiện nghĩa vụ nộp phí thăm dò đối với Nhà Nước.

**b) Tình hình thực hiện các quy định của Tập đoàn TKV trong lĩnh vực quản lý tài nguyên còn tồn tại trong kỳ trước: Không có.**

**4.2. Tổng hợp các quy định của Nhà nước, các quyết định của Tập đoàn phát sinh trong ký báo cáo và tình hình thực hiện các quy định của Nhà nước, các quyết định của Tập đoàn trong kỳ: không có**

**4.3. Các vấn đề phát sinh liên quan đến quản lý tài nguyên, khoáng sản trong Công ty:** Việc xác định trữ lượng than địa chất tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo nghị định 203/2013/NĐ-CP. Theo nghị định trữ lượng được xác định tính tiền cấp quyền khai thác được tính từ thời điểm 1/7/2011, theo ý kiến chỉ đạo của thủ tướng chính phủ tại văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 số tiền này tạm thời chưa thu, tuy nhiên nếu trữ lượng khai thác từ 1/7/2011÷31/12/2013 phải nộp tiền thì gây khó khăn cho Công ty, vì trong thời gian từ 1/7/2011÷31/12/2013 Công ty cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin là Công ty Cổ phần được niêm yết trên sàn chứng khoán, nên công tác hạch toán kinh doanh của Công ty đã được cơ quan kiểm toán nhà nước xác nhận và đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua.

## **5- Công tác tổ chức cán bộ:**

**5.1. Việc thực hiện điều hành và tổ chức sản xuất, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh; tổ chức lại; thành lập; giải thể các đơn vị trực thuộc.**

- Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng lao động, điều hành và tổ chức sản xuất để đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước, các quyết định của Tập đoàn trong công tác đăng ký ngành nghề kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, các quyết định của Tập đoàn khi tổ chức lại, chuyên đổi sở hữu, thành lập, sát nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc khi có sự thay đổi.

**5.2. Việc thực hiện công tác cán bộ trong Công ty; việc thực hiện các quyết định liên quan đến tuyển dụng, sử dụng; đánh giá công tác khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ trong Công ty.**

- Công ty luôn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Nhà nước, các quyết định của Tập đoàn trong công tác cán bộ. Trong thực hiện công tác phối hợp hàng năm giữa Đảng ủy và Giám đốc Công ty, công tác kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ đều được đưa vào nội dung kiểm tra của BCH Đảng bộ, thông qua thực hiện phân công nhiệm vụ cho cán bộ đảng viên hàng năm, đồng thời trên tinh thần Nghị quyết TW4 (khóa XI) để giáo dục, rèn luyện cán bộ đảng viên.

- Công ty căn cứ các quy định của Nhà nước, các quyết định của Tập đoàn xây dựng Quy chế quản lý cán bộ, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ.

- Đối với công tác khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ: Hàng năm Công ty xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động được thông qua tại Hội nghị Người lao động cấp công trường, phân xưởng và cấp Công ty trong đó quy định cụ thể nội dung khen thưởng, kỷ luật đối với CBCNLD.

## **6- Công tác quản lý lao động, tiền lương, đào tạo.**

Ngay từ cuối năm 2013 công ty quan tâm đến việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Căn cứ kế hoạch sản lượng, nhiệm vụ được giao cho các năm sau công ty chủ động xây dựng kế hoạch lao động cần cho các ngành nghề để đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Công ty đã xây dựng các quy chế, quy định về công tác quản lý Lao động - Tiền lương và thu nhập được phổ biến đến toàn thể CBCNV trong Hội nghị Người lao động cấp cơ sở để tham gia đóng góp xây dựng.

### **6.1. Tình hình việc làm, đời sống và thu nhập, thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.**

#### **a) Về bố trí việc làm cho người lao động.**

Năm 2014 mặc dù tình hình kinh tế thế giới, khu vực cũng như trong nước còn nhiều khó khăn, Tập đoàn cũng như công ty đã có nhiều những biện pháp chủ động do vậy trong 9 tháng đầu năm hầu hết các chỉ tiêu SXKD của Công ty đều thực hiện vượt so với kế hoạch giao. Việc làm của người lao động được đảm bảo, không để xảy ra trường hợp người lao động phải nghỉ do không có việc làm.

#### **b) Về thu nhập của người lao động.**

Với kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD đều đạt so với kế hoạch giao, đời sống của người lao động được đảm bảo, mức thu nhập bình quân 9 tháng của người lao động như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	TH 9T 2014	TH/KH (%)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương	Tr.đ				
	- Theo nguồn	„	175.272	150.500	85,9	
	- Thực chi	„	175.272	142.600	81,4	
2	Lao động BQ	Người	2.347	2.398	102,2	
3	Thu nhập BQ					
	- Theo nguồn	Đ/ng/tháng	6.223.000	6.976.600	112,0	
	- Thực chi	„	6.223.000	6.601.800	106,1	

Trong 9 tháng đầu năm mức thu nhập bình quân theo nguồn và thực chi của người lao động đều đạt, vượt so với kế hoạch giao. Người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

Việc quản lý và phân phối thu nhập được Công ty thực hiện rất chặt chẽ trong những năm vừa qua. Hàng năm căn cứ các quy định của nhà nước về quản lý tiền lương và quy định của Tập đoàn về việc ban hành mức tiền lương, hệ số giãn cách giao khoán cho một số chức danh ngành nghề trong TKV, Công ty xây dựng Quy chế quản lý lao động - tiền lương và thu nhập trong nội bộ Công ty, ban hành mức tiền lương ngày công giao khoán cho các ngành nghề, xây dựng đơn giá sản phẩm cho các thiết bị, xây dựng quy định về khuyến khích tiền lương cho CBCNV đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động,

năng suất lao động, hiệu quả SXKD và được phổ biến rộng rãi đến toàn bộ CBCNV trong Công ty để mọi người hiểu rõ được về công tác khoán quản.

Hàng tháng, quý căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ xe máy, tổ sản xuất Công ty tổ chức nghiệm thu, thanh toán và khuyến khích tiền lương cho các cá nhân đã có đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời động viên người lao động hăng hái tham gia thi đua sản xuất.

**c) Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.**

- Các chế độ về ăn ca, bồi dưỡng độc hại đều được Công ty thực hiện đúng theo các quy định hướng dẫn của nhà nước, Tập đoàn và được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý Lao động - Tiền lương và Thu nhập được Công ty ban hành.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/ năm các đối tượng nghề độc hại và nữ CNV; 1 lần/năm áp dụng cho các đối tượng còn lại trong các đợt khám sức khỏe kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp để đưa đi chữa trị tại các cơ sở y tế của ngành than. Tổ chức cho CBCNV đi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tại các cơ sở điều dưỡng của Tập đoàn theo chỉ tiêu phân bổ.

- Ngoài ra Công ty còn thường xuyên thăm hỏi động viên giúp đỡ những gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, các gia đình công nhân gặp tai nạn lao động vào dịp lễ tết...

**d) Cơ cấu, chất lượng lao động.**

Tính đến hết 30/9/2014 tổng số lao động hiện có của Công ty là 2.375 người trong đó nữ 778 người chiếm tỷ lệ 32,7%.

Trình độ chuyên môn của CBCNV công ty cụ thể như sau:

- Thạc sỹ : 03 người chiếm tỷ lệ 0,1% tổng số lao động.
- Đại học : 461 người chiếm tỷ lệ 19,5% tổng số lao động.
- Cao đẳng : 51 người chiếm tỷ lệ 2,1% tổng số lao động.
- CN kỹ thuật: 1.324 người chiếm tỷ lệ 55,7% tổng số lao động.
- Lao động thủ công: 536 người chiếm tỷ lệ 22,6% tổng số lao động.

Thực hiện cơ cấu lao động 9 tháng đầu năm:

TT	Diễn giải	Lao động	Tỷ trọng (%)	Ghi chú
	<b>Lao động tổng số</b>	2.375	<b>100,0%</b>	
	Trong đó			
1	- CN trực tiếp	1.054	44,4%	
2	- CN phục vụ, phụ trợ	1.027	43,2%	
3	- Gián tiếp	287	12,1%	
4	- Viên chức quản lý	7	0,3%	

Về cơ cấu lao động ngành nghề: Trong 9 tháng đầu năm 2014 tổng số lao động giảm 145 người, tuy nhiên số lượng lao động giảm chỉ tập trung ở một số ngành nghề thuộc khâu sản xuất chính và thợ sửa chữa bậc cao. Về cơ bản số lao động hiện tại của Công ty vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất nhưng sự thiếu hụt lao động lành nghề ở một số ngành nghề chính phải mất một thời gian nhất định mới có thể bù đắp được như máy khoan, xúc điện, thợ lành nghề. Mặc dù Về cơ cấu lao động của Công ty vẫn còn nhiều bất cập, lao động gián tiếp, phục vụ phụ trợ vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn, trong thời gian tới Công ty tiếp tục xây dựng lộ trình sắp xếp các đầu mối lại lao động khỏi điều hành đảm bảo tinh gọn hiệu quả. Sáp nhập giải thể phù hợp với điều kiện sản xuất hiện tại.

**e) Công tác đào tạo nhân lực, tái cơ cấu lao động.**

- **Công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động:** Trong năm 2014 cũng như các năm tiếp theo, tình hình SXKD của Công ty đi dần vào ổn định với sản lượng than NK khai

thác hàng năm từ 2,0-2,5 triệu tấn/năm. Để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh đòi hỏi Công ty phải có một đội ngũ lao động lành nghề đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của công việc. Do đó công tác đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ lao động được Công ty hết sức quan tâm. Hàng năm Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng bậc cho số lao động các ngành nghề. Trong 9 tháng đầu năm 2014 Công ty đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức và thi nâng bậc cho 112 lao động, tổ chức bồi dưỡng kiến thức thi thợ giỏi cho 54 lao động cấp Công ty và Tập đoàn.

- **Công tác tái cơ cấu:** Thực hiện chủ trương của Tập đoàn về việc tái cơ cấu lại lao động, trong những năm qua cũng như 9 tháng đầu năm 2014 Công ty đã tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ như: sáp nhập các đầu mối nhỏ lẻ, định biên lại lao động các phòng ban và đơn vị, điều chuyển lao động dôi dư về khâu sản xuất than thủ công tạo việc làm cho người lao động... Về cơ bản cơ cấu lao động Công ty đã có nhiều sự chuyển biến đáng kể, tỷ trọng lao động trực tiếp tăng, lao động gián tiếp và phục vụ phụ trợ giảm. Tuy nhiên tỷ trọng lao động như trên vẫn chưa đạt so với tỷ trọng Tập đoàn giao.

Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm tái cơ cấu lại lao động trong Công ty. Phương án sắp xếp lao động cụ thể như sau:

- **Đối với lao động thiếu.**

+ Đào tạo lại: Căn cứ vào số lượng lao động thiếu hụt, tổ chức rà soát lại lao động trong toàn Công ty. Lập kế hoạch đào tạo chuyển đổi nghề cho số lao động dư thừa các ngành nghề khác bổ sung cho các ngành nghề thiếu hụt.

+ Tuyển mới: Đối với một số ngành nghề không thể đào tạo lại, Công ty sẽ tổ chức tuyển dụng mới để bổ sung.

+ Đối với lao động dôi dư: Với số lao động trên Công ty tổ chức vận động để người lao động đăng ký nghỉ chế độ theo nội dung của quyết định số 618 của Tập đoàn.

**7- Công tác Môi trường và Khoa học Công nghệ.**

**7.1. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của Nhà nước các quyết định của Tập đoàn trong lĩnh vực được phân công còn tồn tại kỳ trước.**

Trong 9 tháng đầu năm 2014 Công ty còn tồn tại việc xin cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án. Đến nay, Công ty đã hoàn thành xong việc lập báo cáo và được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy xác nhận số: 59/GXN-TCMT ngày 16 tháng 7 năm 2014 giấy xác nhận đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án của dự án đầu tư phát triển mỏ Hà Tu Công ty CP Than Hà Tu - TKV.

Công ty hoàn thiện phần xin cấp lại Giấy phép xả thải do lưu lượng vượt quá lưu lượng trong giấy phép. Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập xong báo cáo và trình Bộ Tài nguyên Môi trường xin điều chỉnh Giấy phép.

7.2. Việc thực hiện chiến lược quy hoạch phát triển, nghiên cứu đổi mới cơ chế, đổi mới và phát triển khoa học công nghệ áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong Công ty: Hiện tại năm 2014, để chuẩn bị cho công tác khai thác xuống sâu moong vỉa Trụ Công ty đang tập trung nghiên cứu công nghệ hút bùn bằng bơm bùn công suất lớn.

**8- Công tác Thanh tra - Bảo vệ:**

Công tác Thanh tra trong Công ty được thực hiện đúng theo các văn bản pháp luật như: Luật Thanh tra, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, Luật phòng chống tham nhũng, các văn hướng hướng dẫn dưới luật và chương trình, kế hoạch thanh kiểm tra, kiểm toán của Tập đoàn TKV. Ngay từ đầu năm 2014 Công ty xây dựng kế hoạch số: 73/ KH - VHTC ngày 17/01/2014 để tự thanh kiểm tra, kiểm toán nội bộ về các mặt công tác:

Quản lý sử dụng vật tư; sửa chữa thiết bị; quản lý lao động, phân phối quỹ tiền lương; quản lý thu chi quỹ; quản lý kho than; thực hiện thuê ngoài bốc xúc và vận chuyển đất đá; thực hiện pháp luật về môi trường.

Công tác Bảo vệ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05/01/2001 của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan doanh nghiệp.

Công tác tự thanh tra và kiểm toán nội bộ được thực hiện vào các quý trong năm, trong 9 tháng đầu năm 2014 Công ty đã tự kiểm tra, kiểm toán tại 12 đơn vị. Qua kiểm tra đã nhắc nhở, chấn chỉnh những tồn tại trong công tác quản lý tại các đơn vị được thanh tra, do đó đã có tác dụng phòng ngừa và ngăn chặn những hành vi tiêu cực, tham nhũng từ các cơ sở.

Công ty thường xuyên duy trì công tác kiểm tra ranh giới tài nguyên được giao quản lý, chú trọng những nơi có tài nguyên ngoài khai thác nằm trên địa bàn dân cư để kịp thời phát hiện và phối hợp với Chính quyền địa phương xử lý dứt điểm theo quy định. Khu vực vỉa Trụ đông tiếp giáp với công ty khai thác khoáng sản của Tổng công ty Đông bắc nay đã được đổ bãi thải ngăn cách. Khu vực vỉa 13 khai thác tiếp giáp với công ty cổ phần than Núi Béo và các hộ dân tổ 33, 34 nằm trên địa bàn Phường Hà Phong. Khu vực vỉa Trụ tây, vỉa 7&8 khai thác tiếp giáp với Xí nghiệp than Cao Thắng, Xí nghiệp than Hà Ráng có các cột mốc giới. Trong ranh giới quản lý tài nguyên khoáng sản của Công ty không có việc khai thác than trái phép.

## **9. Đánh giá kết quả tự giám sát**

Qua công tác tự giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu, Công ty nhận thấy quá trình tự giám sát đạt yêu cầu theo quy định của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, đảm bảo cho công ty phát triển ổn định.

Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin trân trọng báo cáo Bộ Công thương, Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Kiểm soát viên Nhà nước tại Tập đoàn TKV./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, PC&CD.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÂN VỐN TẬP ĐOÀN TKV  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký)

**Phạm Hồng Tài**